

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST  
Ngày: 10/01/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Gia Văn Tính

2. Bà Phan Thị Mấy

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2022/TLST-HS ngày 15/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HS ngày 28/12/2022. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn N**, sinh năm 1996. Tên gọi khác: Không/

Quê quán: Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn Dân Quyền Dân Sinh, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 8/12. Con ông: Lê Văn N1, sinh năm 1972 và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 14/5/2022, chuyển tạm giam ngày 23/5/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Hữu S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 14/5/2022, Lê Văn N đang làm thuê (làm nhà) cho nhà chị Lò Thị L, ở bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì có 01 người đàn ông tên là S cũng ở bản Táo, xã Trung Lý đến chơi. Khi S nghe Nam nói chuẩn bị đi mua ma túy về để sử dụng, thì S liền đưa cho N số tiền là 370.000đ (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) và cho N mượn xe máy BKS 36K1-005.83, nhãn hiệu Elegant màu đen, xanh để N mua hộ thuốc phiện cho S. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Lê Văn N một mình điều khiển xe máy đến khu vực bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì dừng xe và để xe máy vào lề đường bên trái, rồi đi bộ theo đường mòn sang bản Khăm Nàng – Lào. Đến bản Khăm Nàng, Nam vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông (N không biết tên, tuổi của người này) hỏi mua ma túy của người này, cụ thể: Lê Văn N mua 500.000đ hồng phiến bằng tiền của N, 200.000đ nhựa thuốc phiện là tiền của S. Lúc mua bán ma túy thì một người đàn ông dân tộc Kinh không quen biết là người Việt Nam chứng kiến, sau đó người này đi đâu, làm gì N không biết. Ngoài ra, người phụ nữ này còn cho N 01 viên hồng phiến và một ít hêrôin. Nhận được ma túy, Nam lấy 01 viên ma túy được cho ra sử dụng ngay tại chỗ, số ma túy còn lại, N cho vào túi quần bên trái, phía trước đang mặc trên người rồi theo đường mòn cũ đi về Việt Nam. Trên đường đi, N đã tiêu xài hết số tiền 170.000đ còn lại của S. Khi Nam về đến chỗ để xe máy, N lấy xe máy để về nhà chị Lò Thị L (nơi Nam đang làm thuê), trên đường đi thuộc bản Kéo Té, xã Nhi Sơn thì Nam bị Tổ công tác Đoàn biên phòng Pù Nhi phát hiện và bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ toàn bộ tang vật.

Tang vật thu giữ gồm: 01 túi nilon màu xanh chứa 40 viên nén tròn dẹt màu hồng có ký hiệu WY; 01 túi nilon màu xanh chứa 111 viên nén tròn dẹt màu hồng có ký hiệu WY; 01 túi nilon màu hồng, bên trong có 01 gói nilon màu hồng chứa các cục vụn màu trắng ngà và 01 gói nilon màu đen chứa chất dẻo màu nâu đen. Lê Văn N khai nhận đây là hồng phiến, hêrôin và nhựa thuốc phiện mua về để sử dụng. Ngoài ra, N còn bị thu giữ 01 xe máy, BKS 36K1-005.83, nhãn hiệu Elegant, màu đen-xanh, xe đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số: 1686/KL-KTHS, ngày 15/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 40 (Bốn mươi) viên nén tròn dẹt màu hồng có ký hiệu WY đựng trong túi nilon màu xanh số 1 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,325g (Bốn phẩy ba hai năm gam) loại: Methamphetamine.

- 111 (Một trăm mười một) viên nén tròn dẹt màu hồng có ký hiệu WY đựng trong túi nilon màu xanh số 2 của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 12,155g (Mười hai phẩy một năm năm gam) loại: Methamphetamine.

- Các cục vụn màu trắng ngà đựng trong gói nilon màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,943g (Không phải chín bốn ba gam) loại: Heroine.

- Chất dẻo màu nâu đen đựng trong túi nilon màu đen của phong bì niêm phong gửi giám định là Nhựa thuốc phiện, có tổng khối lượng 5,528g (Năm phẩy năm hai tám gam)

Tổng số ma túy Lê Văn N tàng trữ là: 16,48g methamphetamine, 0,943g heroine và 5,258g nhựa thuốc phiện.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Đỗ Văn H trình bày: Chiếc xe máy cơ quan chức năng thu giữ của Lê Văn N là xe của anh mua lại của anh Dàng A C ở bản Trung Thắng, xã Mường Lý, huyện Mường Lát với giá là 1.000.000đ, việc mua bán không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng miệng, xe chưa sang tên; Ngày 10/5/2022 anh cho chị Đỗ Thị H ở bản Táo, xã Trung Lý mượn để chở hàng hóa, anh khẳng định đây là xe của anh mua lại, không phải xe trộm cắp, nay có nguyện vọng muốn được xin lại chiếc xe này.

- Chị Đỗ Thị H trình bày: Chiếc xe máy BKS 36K1-005.83 là xe chị mượn của anh Đỗ Văn H ở bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát để chở hàng hóa của gia đình. Đỗ Văn S là em trai chị, ở cùng nhà với chị, chị không cho S mượn xe, mà xe dùng để chở hàng hóa trong gia đình, S lấy xe máy đi khi nào chị cũng không hề hay biết. Nay chị có nguyện vọng muốn xin lại chiếc xe để trả cho anh Đỗ Văn H.

- Anh Đỗ Hữu S hiện tại không có mặt tại địa phương, nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-ML ngày 14/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác nên Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Tuyên: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo tù **07** năm **06** tháng đến **08** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên, người nghiện ma túy, nên không có tính khả thi.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định; Trả lại lại 01 xe máy BKS 36K1-005.83 cho anh Đỗ Văn H.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kiềm chế được nên đã cố tình phạm tội, số ma túy thu giữ của bị cáo mua về để sử dụng dần, bị cáo không nhằm mục đích nào khác. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Bị cáo nhận tội, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa, nên không có lời trình bày.

Lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy việc vắng mặt của anh những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, bị cáo và kiểm sát viên cũng không có đề nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 292 BLTTHS, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của

người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 15 giờ ngày 14/5/2022, Lê Văn Nam một mình đi xe máy mượn của Đỗ Văn S để sang bản Khảm Nàng – Lào tìm mua ma túy để sử dụng. Tại Lào, Lê Văn N đã mua của một người phụ nữ dân tộc Mông (Không biết tên, tuổi) được một lượng ma túy, với mục đích đem về sử dụng dần cho bản thân. Số lượng ma túy bị cáo Lê Văn N mua được là: 40 viên nén tròn dẹt màu hồng có ký hiệu WY qua giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,325g (Bốn phẩy ba hai năm gam) loại: Methamphetamine; 111 viên nén tròn dẹt màu hồng có ký hiệu WY qua giám định là ma túy, có tổng khối lượng 12,155g (Mười hai phẩy một năm năm gam) loại: Methamphetamine; Các cục vụn màu trắng ngà đựng trong gói nilon màu hồng qua giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,943g (Không phẩy chín bốn ba gam) loại: Heroine và chất dẻo màu nâu đen đựng trong túi nilon màu đen qua giám định là Nhựa thuốc phiện, có tổng khối lượng 5,528g (Năm phẩy năm hai tám gam)

Tổng số ma túy Lê Văn N tàng trữ là: 16,48g methamphetamine, 0,943g heroin và 5,258g nhựa thuốc phiện.

Do các chất ma túy đều được quy định trong các điểm của khoản 2 Điều 249 BLHS, nên HĐXX quy đổi như sau:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự là 54,93% (16,48 gam so với 30 gam);

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của heroin so với mức tối thiểu đối với heroin được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự là 3,14% (0,943 gam so với 30 gam);

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự là 0,552% ( 5,528 gam so với 1.000 gam).

**Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine, heroine và nhựa thuốc phiện là 58,622% (54,93% + 3,14% + 0,552%).**

Với tính chất vụ án, hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết chất ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý Tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm

phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người nghiện, chỉ sử dụng cho bản thân không có mục đích gì khác; vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy. Đề nghị của đại diện viện kiểm sát Mường Lát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp về khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ....”. Nhưng xét bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, lại là người nghiện ma túy, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Xét về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

01 xe mô tô BKS 36K1-005.83, nhãn hiệu Eleganl, màu đen – xanh, số máy: RLGSC10KHBH060822, số khung: VMSACB-H060822, xe đã qua sử dụng. Qua điều tra và tại phiên tòa đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn H, sinh năm 1994, trú tại bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát. Ngày 10/5/2022, Hùng cho chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979, trú tại bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát mượn, sau đó Huệ cho Đỗ Hữu S, sinh năm 1982, cùng trú quán với H mượn, nên HĐXX trả lại cho anh Đỗ Văn H là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì. Nên HĐXX không xem xét.

[9] Xét về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội, không thuộc diện được miễn án phí, nên buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[10] Các nhận định khác:

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông bán ma túy cho Nam, việc mua bán diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, thì Cơ quan CSĐT Công an cấp có thẩm quyền sẽ tiếp tục xác minh làm rõ. Khi nào có đủ căn cứ thì xử lý trong vụ án khác;

Đối với người đàn ông dân tộc Kinh chứng kiến việc Nam mua ma túy, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không có căn cứ để xác minh làm rõ vì Nam không biết tên, tuổi và địa chỉ người này;

Đối với anh Đỗ Văn H cho Đỗ Thị H mượn xe mô tô BKS: 36K1-005.83, nhãn hiệu ELEGANT, màu đen – xanh, sau đó Huệ cho Đỗ Hữu S mượn xe. Ngày 14/5/2022, S đưa chiếc xe này cùng số tiền 370.000 đồng cho bị cáo Nam đi mua ma túy, thì hiện nay S không có mặt tại địa phương, Cơ quan CSĐT đang tiếp tục xác minh, khi nào có đủ căn cứ thì xử lý trong vụ án khác. H và Huệ không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Nam, nên không phải chịu trách nhiệm.

Vì các lẽ trên:

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Lê Văn N 07** (Bảy) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (14/5/2022).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Văn N.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành sau giám định ghi vụ Lê Văn N, được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng, Trương Văn Dũng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự làm giáp lai;

Trả lại 01 xe mô tô BKS 36K1-005.83, nhãn hiệu Eleganl, màu đen – xanh, số máy: RLGSC10KHBH060822, số khung: VMSACB-H060822, xe đã qua sử dụng, cho anh Đỗ Văn H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 03/QĐ-VKS-ML ngày 14/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số: 24/2023/TV-CCTHADS ngày 15/12/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo; Vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn H, Đỗ Thị H, Đỗ Hữu S. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Phòng 7-VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ – Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- Đoàn Biên phòng Pù Nhi;
- UBND xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa;
- Bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Tiến Dũng**



